

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ 20 LOÀI CÂY THUỐC CÓ TÁC DỤNG KHÁNG KHUẨN TẠI 7 XÃ VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA BA VÌ

PHAN THỊ THU HIỀN - *Bộ Y tế*
PHẠM VĂN THAO - *Học viện quân y*

TÓM TẮT

Nghiên cứu kiến thức của 200 người dân về 20 loài cây có tác dụng kháng khuẩn tại vùng đệm vườn quốc gia Ba Vì cho thấy: Tỷ lệ người dân hiểu biết đúng và đủ về 20 loài cây thuốc khá cao (70,0% - 96,5%). Tỷ lệ hiểu biết sai cao nhất chỉ là 5,0%. Kênh tiếp cận thông tin chiếm tỷ lệ cao nhất là thuốc nam gia truyền (70,0%), tiếp theo là qua đọc sách, báo (60,0%), qua nghe đài, xem tivi (40,0%)... Tuy nhiên, qua hoạt động của Hội Đông y chỉ chiếm 20,0%. Đối tượng tiếp cận 2 kênh truyền thông chiếm tỷ lệ cao nhất (33,0%), tiếp cận 3 kênh truyền thông là 28,0%... thấp nhất là tiếp cận 6 kênh (2,0%).

Từ khóa: loài cây, kháng khuẩn

SUMMARY

The study of 200 people's awareness about 20 plants have antibacterial properties in the buffer zone of Ba Vi National shows that: Percentage of people understand truthly and completely on 20 species of medicinal plants is quite high (70.0% - 96.5%). Maximum misunderstanding rate is only 5.0%. Information Channel

was accessed the most widely is traditional medicine (70%), followed was reading books, newspapers (60%), via radio, watching television (40.0%). However, through the activities of Traditional medicine organisation is only 20.0%. Objects accessed two channels account for the highest percentage (33.0%), communication 3 channels approaching is 28.0%... the lowest rate (2.0%) is 6 channels accessing objects.

Keywords: medicinal plants, antibacterial

ĐẶT VẤN ĐỀ.

Nền y học cổ truyền Việt Nam đã có từ lâu đời, qua quá trình xây dựng và phát triển đất nước các kinh nghiệm dân gian quý báu đã được đúc kết và ghi chép trong những cuốn sách lưu truyền trong nhân dân. Nhờ đó kho tàng kiến thức về các loại dược liệu Việt Nam ngày càng phong phú, là nền tảng phát triển nền y học cổ truyền của dân tộc. Khu vực vùng đệm vườn Quốc gia Ba Vì, có rất nhiều loài cây thuốc mọc hoang dại hoặc được gây trồng có giá trị dược liệu cao, trong đó

nhóm cây có tác dụng kháng khuẩn có trữ lượng đáng kể. Nhận thức của người dân về các cây thuốc có ảnh hưởng rất lớn đến việc trồng, khai thác và sử dụng nguồn dược liệu này. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm mục tiêu: *Mô tả thực trạng kiến thức của người dân về 20 loài cây thuốc có tác dụng kháng khuẩn tại khu vực vùng đệm vườn Quốc gia Ba Vì.*

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

1. Đối tượng nghiên cứu:

+ 20 loài cây thuốc có tác dụng kháng khuẩn, gồm: Nghệ, Riềng, Nhân trần, Diếp cá, Hoa hồng đỏ, Lựu, Seo gà, Bạch hoa xà, Lá lốt, Ba chẽ, Nhội, Tô mộc, Cỏ lào, Nhọ nồi, Đại bi, Cây cứt lợn, Cau, Bồ bồ, Bạch đồng nữ, Rau đắng.

+ Đại diện hộ gia đình: chọn 200 hộ gia đình theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống.

Đại diện hộ gia đình được chọn là chủ hộ, nếu chủ hộ đi vắng thì chọn người bất kỳ trong cùng hộ khẩu thay thế. Những người được chọn phải trên 18 tuổi, là

người nắm được những vấn đề cây thuốc, có khả năng trả lời được những câu hỏi phỏng vấn. Trường hợp hộ được chọn không có ai ở nhà thì lấy hộ kế cận trong danh sách các hộ gia đình của địa phương thay thế.

2. Địa điểm, thời gian nghiên cứu:

- Địa điểm nghiên cứu: Khu vực vùng đệm vườn quốc gia Ba Vì, gồm 7 xã: Tân Lĩnh, Ba Trại, Minh Quang, Ba Vì, Vân Hòa, Yên Bài, Khánh Thượng.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 10/2009 đến tháng 4/2010

3. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp nghiên cứu thực vật học: Xác định 20 loài cây thuốc có tác dụng kháng khuẩn tại khu vực vùng đệm vườn quốc gia Ba Vì.

- Phương pháp phỏng vấn: Tiến hành phỏng vấn đối tượng về nhận biết cây, bộ phận sử dụng, mùa thu hái, cách sơ chế, bảo chế, tác dụng đối với 20 loài cây thuốc có tác dụng kháng khuẩn thường dùng, các kênh tiếp nhận các thông tin trên.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Kiến thức của đối tượng điều tra về 20 loài cây thuốc có tính chất kháng khuẩn và cách sử dụng (n = 200)

TT	Tên Việt Nam	Hiểu đúng-đủ		Hiểu đúng-chưa đủ		Hiểu sai		Không biết	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
01	Cau	188	94,0	10	5,0	1	0,5	1	0,5
02	Cây cứt lợn	187	93,5	12	6,0	1	0,5	0	-
03	Đại bi	178	89,0	16	8,0	5	2,5	1	0,5
04	Nhọ nồi	181	90,5	19	9,5	0	-	0	-
05	Cỏ lào	175	87,5	24	12,0	1	0,5	0	-
06	Tô mộc	140	70,0	45	22,5	10	5,0	5	2,5
07	Nhội	136	68,0	46	23,0	3	1,5	15	7,5
08	Ba chẽ	173	86,5	14	7,0	0	-	13	6,5
09	Lá lốt	189	94,5	10	5,0	1	0,5	0	-
10	Bạch hoa xà	192	96,0	8	4,0	0	-	0	-
11	Seo gà	167	83,5	21	10,5	7	3,5	5	2,5
12	Lựu	178	89,0	20	10,0	2	1,0	0	-
13	Hoa hồng đỏ	140	70,0	57	28,5	2	1,0	1	0,5
14	Diếp cá	189	94,5	10	5,0	1	0,5	0	-
15	Nhân trần	182	91,0	18	9,0	0	-	0	-
16	Riềng	170	85,0	29	14,5	1	0,5	0	-
17	Nghệ	193	96,5	7	3,5	0	-	0	-
18	Bồ bồ	177	88,5	23	11,5	0	-	0	-
19	Bạch đồng nữ	145	72,5	45	22,5	5	2,5	5	2,5
20	Rau đắng	155	77,5	41	20,5	3	1,5	1	0,5

Qua khảo sát các đối tượng nghiên cứu về sự hiểu biết (nhận biết cây, bộ phận sử dụng, mùa thu hái, cách sơ chế, bảo chế, tác dụng) đối với 20 loài cây thuốc có tác dụng kháng khuẩn thường dùng, kết quả cho thấy tỷ lệ giữa các nhóm có kiến thức: đúng-đủ chiếm tỷ lệ khá cao (từ 70,0 - 96,5%); Hiểu đúng-chưa đủ chiếm tỷ lệ từ 3,5 - 28,5%; Tỷ lệ hiểu sai cao nhất chỉ chiếm 5,0%; Tỷ lệ không biết rất thấp. Sự khác nhau có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$. Như vậy kiến thức của nhân dân tại khu vực nghiên cứu về 20 loài cây có tính chất kháng khuẩn rất khác nhau.

Bảng 2. Các kênh tiếp cận thông tin về y học cổ truyền của đối tượng điều tra (n = 200).

Kênh thông tin	Số lượng	%	Giá trị p
- Học qua trường lớp	18	9,0	< 0,001
- Hoạt động tuyên truyền của hội Đông y	40	20,0	
- Thuốc nam gia truyền	140	70,0	
- Đọc sách, báo	120	60,0	
- Nghe đài, xem tivi	80	40,0	
- Tự tìm hiểu thiên nhiên	4	2,0	

Kết quả bảng 2 cho thấy, người dân có kiến thức về y học cổ truyền chủ yếu do gia truyền (70,0%) tức là kiến thức được truyền từ đời này sang đời khác cho nên nhiều bài thuốc gia truyền không được phép ra khỏi dòng họ và đã bị thất lạc. Tuy nhiên, phương tiện thông tin đại chúng cũng đóng vai trò quan trọng: với 60,0% số người được hỏi đã nói họ tiếp thu kiến thức qua sách báo, 40,0% số người được hỏi nói rằng họ tiếp thu kiến thức qua phương tiện truyền hình và truyền thanh. Hoạt động của hội Đông y đạt hiệu quả thấp vì chỉ có 20,0% số người được hỏi cho rằng đã được tham gia những khóa học hoặc các buổi nói chuyện về thuốc nam chữa bệnh. Chỉ có 9,0% số người được hỏi là học qua trường lớp về dược, có thể chỉ là trình độ sơ cấp nhưng đây chính là những đối tượng có kiến thức cơ bản và có khả năng đẩy mạnh hoạt động khám chữa bệnh bằng cây thuốc nam. Đặc biệt là có 2,0% số người nói rằng trong quá trình tìm tòi khám phá thiên nhiên, họ đã phát hiện ra những điều mới trong cây thuốc nam, có thể vị thuốc mới hoặc ứng dụng mới mà trước đây họ chưa biết.

Nhóm những người này đã chịu khó mày mò để có những kiến thức riêng của mình. Khoa học phát triển liên tục và liên tục đổi mới. Những phát kiến mới về y học dân tộc là những điều vô cùng quan trọng vì nó có thể ứng dụng ngay vào trong cuộc sống hàng ngày để bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Khảo sát tiếp theo về tần suất tiếp nhận thông tin của đối tượng nghiên cứu thu được bảng sau:

Bảng 3. Tần suất các kênh tiếp nhận thông tin về y học cổ truyền của đối tượng điều tra (n = 200).

Số kênh thông tin tiếp nhận	Số hộ dân	(%)	p
1 kênh	30	15,0	<0,001
2 kênh	66	33,0	
3 kênh	56	28,0	
4 kênh	32	16,0	
5 kênh	12	6,0	
6 kênh	4	2,0	

Kết quả khảo sát cho thấy có 6 kênh thông tin mà người dân có thể tiếp cận và tìm hiểu về kiến thức đối với cây thuốc có tính kháng khuẩn, gồm các kênh: Học qua trường lớp; Hoạt động tuyên truyền của hội Đông y; Thuốc nam gia truyền; Đọc sách, báo; Nghe đài, xem ti vi; Tự tìm hiểu thiên nhiên.

Tỷ lệ đối tượng tiếp cận được 2 kênh thông tin chiếm tỷ lệ cao nhất (33,0%), tiếp theo là tiếp cận được 3 kênh thông tin (28,0%)... Tỷ lệ đối tượng tiếp cận cả 6 kênh thông tin chiếm tỷ lệ thấp nhất (2,0%).

BÀN LUẬN.

Điều tra kiến thức của người dân về cây thuốc và cách sử dụng 20 loài cây thuốc có tính chất kháng khuẩn, kết quả cho thấy: tỷ lệ người dân hiểu biết đúng và đủ 6 nội dung (nhận biết cây, bộ phận sử dụng, mùa thu hái, cách sơ chế, bào chế, tác dụng) là khá cao (từ 70,0% - 96,5%) điều này cho thấy người dân rất quan tâm tìm hiểu cây thuốc đồng thời cũng cho biết công tác tuyên truyền về YHCT nói chung và cây thuốc có tính kháng khuẩn nói riêng trong khu vực nghiên cứu đã đem lại những hiệu quả nhất định.

Về các kênh truyền thông mà nhân dân tiếp cận thông tin y học cổ truyền: tỷ lệ cao nhất là từ kênh thuốc nam gia truyền (70,0%) cho thấy kiến thức về YHCT chủ yếu được truyền từ đời nay qua đời khác theo phương thức gia truyền nên nhiều bài thuốc không được phép ra khỏi dòng họ và có thể có nhiều bài thuốc đã bị thất lạc. Tiếp theo là qua kênh đọc sách, báo (60,0%) và qua nghe đài, xem ti vi (40,0) cho thấy vai trò hết sức quan trọng của các phương tiện thông tin đại chúng đối với đời sống nhân dân nói chung và đối với việc tuyên

truyền kiến thức YHCT nói riêng. Tuy nhiên, hoạt động của hội Đông y đạt hiệu quả thấp vì chỉ có 20,0% số người được hỏi cho rằng đã được tham gia những khóa học hoặc các buổi nói chuyện về thuốc nam chữa bệnh.

Về tần suất các kênh truyền thông YHCT: dẫn đầu là nhóm 2 kênh với tỷ lệ 33,0%, như vậy là đa số mọi người đều tiếp nhận thông tin từ ít nhất hai kênh, trong đó sẽ có một kênh chính và một kênh phụ tùy theo thói quen từng người. Đặc biệt với nhóm dân cư mù chữ thì chỉ còn cách truyền miệng hoặc truyền thanh để truyền đạt thông tin. Điều đó lý giải tại sao những bài thuốc gia truyền vẫn được lưu truyền từ nhiều đời nay mà vẫn không hề bị mai một tác dụng, tuy rằng không có sách vở nào ghi chép lại. Nhóm tiếp theo là 3 kênh phối hợp với 28,0%, nhóm này là những người biết chữ và có kiến thức về thuốc nam chữa bệnh. Tiếp theo các nhóm 4 kênh, 5 kênh, 6 kênh có tỷ lệ giảm dần. Nhóm 1 kênh có tỷ lệ tương đối thấp (15,0%), như vậy những người chỉ tiếp nhận thông tin từ một nguồn là không nhiều. Những người có trình độ càng cao thì các có nhiều cơ hội và khả năng tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, đặc biệt có những người có khả năng nghiên cứu và khám phá thiên nhiên để đạt được những kết quả mới.

KẾT LUẬN.

- Tỷ lệ người dân hiểu biết đúng và đủ về 20 loài cây thuốc có tính kháng khuẩn khá cao (70,0% - 96,5%). Tỷ lệ hiểu biết sai cao nhất cũng chỉ là 5,0%.

- Kênh tiếp cận thông tin về YHCT cao nhất là thuốc nam gia truyền (70,0%), tiếp theo là qua đọc sách báo (60,0%), qua nghe đài, xem ti vi (40,0%). Tuy nhiên, qua hoạt động của Hội Đông y chỉ chiếm 20,0%.

- Đối tượng tiếp cận 2 kênh truyền thông chiếm tỷ lệ cao nhất (33,0%), 3 kênh là 28,0%... thấp nhất là 6 kênh (2,0%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2008), *Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 04/7/2008 về phát triển nền Đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới.*
2. Đỗ Huy Bích và cộng sự (2006), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập I,II, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội*
3. Đỗ Tất Lợi (1977), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.*
4. Trường Đại học Lâm nghiệp (2006), *Đánh giá tính đa dạng sinh học nguồn tài nguyên cây thuốc của vườn quốc gia Ba Vì làm cơ sở cho công tác bảo tồn và sử dụng bền vững.*